TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **81**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

2. Bà **Đặng Thị Thu Thảo**.

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Võ Phong Hiếu.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Liễu**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt; vắng mặt anh G)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Hội cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 28/3/2007. Từ năm 2015 đến nay thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, gia đình và vợ chồng không hòa giải hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Kiếm P, sinh ngày 10/4/2014 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Văn G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn Nguyễn Văn G đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 28/3/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị T cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G đã được gia đình hai bên hòa giải và vợ chồng hàn gắn nhưng không thành, do đó chị Nguyễn Thị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Bị đơn Nguyễn Văn G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, anh Nguyễn Văn G không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, giữa anh G và chị T không còn sự yêu thương, quan tâm nhau, nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh G là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thanh Kiếm P, sinh ngày 10/4/2014 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn G vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T về người nuôi dưỡng con chung, cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự…Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G, giao con chung tên Nguyễn Thanh Kiếm P, sinh ngày 10/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng và anh G không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thanh Kiếm P, sinh ngày 10/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn G có quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000904 ngày

23/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm